

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2020/DS-PT
Ngày 08-7-2020
V/v tranh chấp lỗi đi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ngọc Mai
Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Xông – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 337/2019/TLPT-DS ngày 09/12/2019 về việc “tranh chấp lỗi đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 175/2020/QĐPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Hoài T, sinh năm 1980;
 2. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1983;
- Cùng địa chỉ: Số 59, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn:

1. Ông Đỗ Ngọc T, sinh năm 1967;
 2. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1966;
- Cùng địa chỉ: Số 68, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.
3. Ông Phạm Văn G (Giang), sinh năm 1964;
 4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: Số 74, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1977;
2. Ông Đào Tương L, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị Tuyết, sinh năm 1949; địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Thúy, sinh năm 1980; địa chỉ: Số nhà 72, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phạm Ngọc Trung, bà Phạm Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hoài T và bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Nguyên đơn sử dụng phần đất giáp ranh với đất của ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Ngọc T, bà Phạm Thị B. Phần đất của nguyên đơn ở phía sau đất của ông G, bà H và đất của ông Trung, Bà B. Hiện tại, nguyên đơn không có đường để đi vào đất, từ trước đến nay nguyên đơn có đi nhờ qua đất của ông G, bà H. Đã nhiều lần nguyên đơn hỏi mua ông G, bà H quyền sử dụng đất để làm con đường đi vào phần đất của mình nhưng ông G, bà H không bán vì giữa nguyên đơn và ông G, bà H có mối quan hệ họ hàng. Vào ngày 02/02/2017 ông G, bà H có lập văn bản cho nguyên đơn 01 con đường đi với diện tích 284m² (chiều rộng ở ngoài tiếp giáp với đường đất đỏ là 2m, chiều dài 58m; chiều rộng ở phía trong là 4m, chiều dài 42m) thuộc thửa đất số 187, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Ở phía đầu trên con đường đi có đi qua quyền sử dụng đất 327,1m², thuộc một phần của thửa đất số 188, tờ bản đồ số 24 của Bà L, ông L và Bà L, ông L đã tự nguyện bỏ ra 327,1m² làm con đường đi chung. Sau khi ông G, bà H cho quyền sử dụng đất để làm con đường đi thì nguyên đơn đã mua vật liệu về làm đường (đổ đất đỏ và lu cho bằng phẳng con đường), quá trình nguyên đơn làm con đường thì ông Trung, Bà B cũng được biết tại vì nhà ông Trung, Bà B ở giáp ranh với đất của nguyên đơn. Sau khi nguyên đơn làm xong con đường và sử dụng ổn định được khoảng 3 tháng thì đến ngày 28/4/2017 ông Trung, Bà B cấm trụ bê tông ngăn lại đoạn đường có diện tích rộng 2m, dài 42m (tính từ ranh nhà nguyên đơn đi ra theo hướng đường đất đỏ) vì ông Trung, Bà B cho rằng phần đất nguyên đơn làm con đường đi thuộc quyền sử dụng đất của ông Trung, Bà B. Hiện tại ông G và bà H cũng cản trở và không cho nguyên đơn đi qua quyền sử dụng đất của

ông G, bà H mặc dù trước đây ông G, bà H đã lập giấy cho đường đi với nguyên đơn.

Nay nguyên đơn đồng ý tự nguyện sử dụng diện tích đất 15,4m², thuộc một phần thửa 191, tờ bản đồ số 24 làm lối đi chung và yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

+ Buộc bị đơn ông Đỗ Ngọc T và bà Phạm Thị B mở lối đi có diện tích 77,8m² thuộc một phần thửa đất số 463 (nay là thửa số 190), tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

+ Buộc bị đơn ông Phạm Văn G và bà Nguyễn Thị H mở lối đi có diện tích 75,7m² thuộc một phần thửa đất số 187, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Yến L và ông Đào Tương L về việc mở lối đi có diện tích 327,1m², thuộc một phần của thửa đất số 188, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Ngọc T và bà Phạm Thị B trình bày:

Phần đất nguyên đơn yêu cầu bị đơn mở lối đi chung thuộc quyền sử dụng đất của bị đơn và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất của bị đơn và quyền sử dụng đất của ông G, bà H tiếp giáp nhau (người ở phía trên, người ở phía dưới) sau đó mới đi vào đất của nguyên đơn. Từ trước đến nay bị đơn và ông G, bà H thỏa thuận mỗi người bỏ ra 2m chiều rộng, chiều dài hết đất để làm ranh đất (thỏa thuận bằng miệng không có văn bản) nhưng nguyên đơn đã tự ý mua đất về và cho xe lu con đường trong đó có 77,8m² thuộc quyền sử dụng đất của bị đơn nhưng không báo trước cho bị đơn là trái với quy định của pháp luật. Nay bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn G và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bị đơn thống nhất với ý kiến của nguyên đơn là trước đây bị đơn có đồng ý cho nguyên đơn đi nhờ qua quyền sử dụng đất của mình chứ không phải cho nguyên đơn quyền sử dụng đất để làm đường đi vào quyền sử dụng đất của nguyên đơn bằng việc lập giấy cho đường đi mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án (chữ ký và chữ viết bên phần người cho là của bị đơn). Tuy nhiên, quá trình nguyên đơn đi qua quyền sử dụng đất không bảo vệ tài sản của bị đơn nên bị đơn không đồng ý cho nguyên đơn đi nhờ qua quyền sử dụng đất của mình nữa. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn mở lối đi có diện tích 75,7m² thì bị đơn không đồng ý. Bởi vì phần diện tích 75,7m² nguyên đơn yêu cầu bị đơn mở lối đi thuộc một phần thửa đất số 187, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, phần đất này bị đơn đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác như trình bày ở trên là trước đây bị đơn có cho nguyên đơn đi nhờ qua quyền sử dụng đất của mình chứ không cho nguyên đơn mở lối đi để đi vào đất của nguyên đơn cho nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Yến L và ông Đào Tương L trình bày:

Trước đây Bà L, ông Lai có cho nguyên đơn đi qua quyền sử dụng đất của mình để vào quyền sử dụng đất của nguyên đơn, quá trình đo đạc thực tế thì phần lối đi nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết có 327,1m² thuộc thửa đất số 188, tờ bản đồ số 24 (quyền sử dụng đất đang đứng tên Bà L), nay Bà L, ông Lai đồng ý sử dụng 327,1m² thuộc thửa đất số 188, tờ bản đồ số 24 làm lối đi chung.

- Người làm chứng bà Trần Thị T trình bày:

Trước đây thì bà T có cho nguyên đơn Nguyễn Hoài T và Nguyễn Thị Thu T đi qua quyền sử dụng đất của bà T để đi vào quyền sử dụng đất của nguyên đơn (thửa đất số 191, tờ bản đồ số 24) nhưng đó là thời điểm quyền sử dụng đất bà T còn trống và từ lâu rồi nguyên đơn không đi qua quyền sử dụng đất của bà T để vào quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Nếu hiện nay nguyên đơn có nhu cầu đi qua quyền sử dụng đất của bà T để đi vào quyền sử dụng đất của nguyên đơn thì bà T không đồng ý.

- Người làm chứng bà Huỳnh Thị Kim T trình bày:

Ngoài lối đi mà nguyên đơn đang yêu cầu Tòa án mở thì không còn lối đi khác để đi vào thửa đất 191, tờ bản đồ số 24. Bà T không đồng ý mở lối đi đi qua quyền sử dụng đất của bà T để đi vào quyền sử dụng đất của nguyên đơn bởi vì phần đất của bà T không có lối đi và từ trước đến nay nguyên đơn vẫn sử dụng lối đi hiện đang tranh chấp với bị đơn. Theo bà T lối đi đang tranh chấp là lối đi thuận tiện nhất vì hiện tại đã có sẵn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 157, 165, 185, khoản 2 Điều 229, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 10, 46, 50, 105 và 136 của Luật Đất đai năm 2003;

- Các Điều 5, 95, 100, 166, 170, 171 và 203 của Luật Đất đai 2013;

- Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 3 Điều 155, Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoài T và bà Nguyễn Thị Thu T đối với bị đơn ông Đỗ Ngọc T, bà Phạm Thị B và bị đơn ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị H về “tranh chấp lối đi”.

1.1 Buộc bị đơn ông Đỗ Ngọc T và bà Phạm Thị B di dời 05 trụ cọc bê tông có chiều cao 1m, mở lối đi có diện tích $77,8m^2$ thuộc một phần thửa đất số 463 (nay là thửa số 190), tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Phần đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa đất 190;

Hướng Tây giáp các thửa đất 187, 191;

Hướng Nam giáp các thửa đất 190, 191;

Hướng Bắc giáp thửa đất 188.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoài T và bà Nguyễn Thị Thu T phải liên đới thanh toán giá trị quyền sử dụng diện tích đất $77,8m^2$ tương ứng với số tiền 4.688.000đ (bốn triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng) cho bị đơn ông Đỗ Ngọc T và bà Phạm Thị B.

1.2 Buộc bị đơn ông Phạm Văn G và bà Nguyễn Thị H mở lối đi có diện tích $75,7m^2$ thuộc một phần thửa đất số 187, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Phần đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp các thửa đất 188, 190;

Hướng Tây giáp thửa đất 187;

Hướng Nam giáp các thửa đất 190, 191;

Hướng Bắc giáp các thửa đất 187, 188.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoài T và bà Nguyễn Thị Thu T phải liên đới thanh toán giá trị quyền sử dụng diện tích đất $75,7m^2$ tương ứng với số tiền 4.542.000đ (bốn triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng) cho bị đơn ông Phạm Văn G và bà Nguyễn Thị H.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Yến L và ông Đào Tương L về việc mở lối đi có diện tích $327,1m^2$, thuộc một phần của thửa đất số 188, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Phần đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa đất 188;

Hướng Tây giáp thửa đất 187;

Hướng Nam giáp các thửa đất 187, 190;

Hướng Bắc giáp đường đất.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Hoài T về việc mở lối đi có diện tích $15,4m^2$, thuộc một phần của thửa đất số 191, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Phần đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa đất 190;

Hướng Tây giáp thửa đất 187, 191;

Hướng Nam giáp các thửa đất 190, 191;

Hướng Bắc giáp thửa đất 187.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

4. Kiến nghị UBND huyện P, tỉnh Bình Dương thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00374 QSDĐ/PG cấp ngày 27/8/2003 cho hộ ông Phạm Văn G; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01567 cấp ngày 09/7/2008 cho bà Nguyễn Thị Yến L để điều chỉnh cho phù hợp với quyết định của bản án.

5. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS01281 cấp ngày 14/9/2015 cho hộ bà Phạm Thị B; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS01373 cấp ngày 21/4/2016 cho ông Nguyễn Hoài T để điều chỉnh cho phù hợp với quyết định của bản án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 12/8/2019, bị đơn ông Trung, Bà B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận như sau:

+ Thống nhất diện tích đất $496m^2$, trong đó thửa 188: $327,1m^2$, thửa 187: $75,7m^2$, thửa 190: $77,8m^2$, thửa 191: $15,4m^2$ là đường đi chung của nguyên đơn, bị đơn, Bà L, ông Lai.

+ Ông T, bà Trinh hỗ trợ cho bị đơn mỗi gia đình là 5.000.000 đồng.

+ Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu, đã thực hiện xong.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; sự thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn, bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà L, ông L không có yêu cầu độc lập, không kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm và tại cấp sơ thẩm đã đồng ý để diện tích đất 327,1m² thuộc thửa 188 làm đường đi chung. Do đó, sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác nên được công nhận.

[2] Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu, đã thực hiện xong.

[3] Án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Ngọc T, bà Phạm Thị B.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoài T, bà Nguyễn Thị Thu T, bị đơn ông Đỗ Ngọc T, bà Phạm Thị B, ông Phạm Văn G (Giang), bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Yên L, ông Đào Tương L về việc để diện tích đất 496m², trong đó thửa 188: 327,1m², thửa 187: 75,7m², thửa 190: 77,8m², thửa 191: 15,4m² làm lối đi chung cho các chủ sử dụng thửa đất 187, 188, 190, 191 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 000374/QSDĐ/PG ngày 27/8/2003 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ ông Phạm Văn Gg (ngày 02/4/2007 đính chính họ tên là Phạm Văn G); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H01567 ngày 09/7/2008 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Nguyễn Thị Yên L; Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS01373 ngày 21/4/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Hoài T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS01281 ngày 14/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho hộ bà Phạm Thị B để điều chỉnh theo quyết định của bản án.

2.2. Ông Đỗ Ngọc T, bà Phạm Thị B có trách nhiệm di dời 05 trụ cọc bê tông trên thửa đất 190.

2.3. Ghi nhận việc ông Nguyễn Hoài T, bà Nguyễn Thị Thu T tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn ông Đỗ Ngọc T, bà Phạm Thị B 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và ông Phạm Văn G (Giang), bà Nguyễn Thị H 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Tại cấp sơ thẩm là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và cấp phúc thẩm là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoài T, bà Nguyễn Thị Thu T tự nguyện chịu, đã thực hiện xong.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoài T, bà Nguyễn Thị Thu T tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0008288 ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương, trả lại cho ông Nguyễn Hoài T, bà Nguyễn Thị Thu T 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đỗ Ngọc T và bà Phạm Thị B, mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí số 0026557 và 0026558 ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên Hằng